

Bản án số: **130/2018/HS-PT**
Ngày: 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyện.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 105/2018/HSPT ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Minh H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2018/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Minh H**, sinh ngày: 16 tháng 8 năm 2000, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm sắt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha (không rõ) và mẹ là bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1983; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** (Còn gọi là: Tý), sinh ngày: 19 tháng 5 năm 1999, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm sắt; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa của các bị cáo H, T: Ông **Võ Thanh K** – Luật sư Công ty Luật E, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo H:*

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Là mẹ của bị cáo. (Vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án hình sự sơ thẩm: Vào khoảng 16 giờ ngày 09 tháng 5 năm 2017, Huỳnh Kim L, Lê Văn U, Nguyễn Anh K, Võ Chí V cùng với các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Thanh T đến phòng trọ của anh Trần Thanh H tại ấp F, xã G, huyện C để chơi. Tại đây, anh H mua thức ăn và rượu để ăn uống. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Polish, màu nâu, biển số 60B6-047.16 của anh H để chở T và K về trả xe cho gia đình, còn U mượn của anh H 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xám, màn hình cảm ứng để chơi game, anh H đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, do anh H đã nhậu say nên ra võng trước phòng trọ nằm ngủ. Lúc này, H, T và K cũng vừa đến phòng trọ mục đích trả xe lại cho anh H, nhưng anh H đã ngủ nên U mới bàn bạc với T, K, V, H và L vào trong phòng trọ của anh H xem có gì thì lấy, tất cả đồng ý. Cả bọn chia nhau tìm tài sản trong phòng anh H để trộm cắp, V trộm cắp được 01 ba lô vải màu đen; T lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 01 cục phát Wifi; K trộm cắp được 01 áo sơ mi dài tay, màu xanh; U không tìm thấy tài sản gì nên chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu xám, màn hình cảm ứng đã mượn của anh H trước đó nhưng chưa trả; H không tìm được tài sản gì có giá trị. H bàn với cả nhóm chiếm đoạt xe mô tô mượn của anh H để sử dụng chung, cả nhóm đồng ý. Sau đó T lấy xe mô tô chở H, K và V đến Khu công nghiệp Xuân Lộc đứng đợi, còn T và H trở lại phòng trọ anh H để đón U và L. T chở H, U và L đến đài Đức Mẹ thuộc ấp D, xã B thì H bảo U và L đứng đợi để H và T trở lại nhà trọ anh H trộm cắp tiền để cả nhóm thuê nhà nghỉ ngủ, tất cả đồng ý. Khi H và T quay trở lại thì thấy anh H vẫn đang ngủ trên võng, T đứng trên xe đợi, còn H đến vị trí anh H đang ngủ và lấy trộm số tiền 8.100.000 đồng trong túi quần trước anh H đang mặc. H đưa toàn bộ số tiền trên cho T cất giữ, T bàn với H là nói cho U, V, L và K chỉ lấy được 400.000 đồng, còn lại chia nhau tiêu xài, H đồng ý. Khi cả nhóm kiểm tra tài sản trộm cắp được thì H và T chỉ bỏ ra 400.000 đồng, sau đó cả nhóm bỏ toàn bộ số tài sản trộm cắp được vào trong ba lô vải màu đen rồi đi ra biển Cam Bình để vui chơi. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 10 tháng 5 năm 2017 cả nhóm về lại nhà tại xã B thì bị Cơ quan Công an mời làm việc.

Vật chứng vụ án: Số tiền 8.100.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Polish, màu nâu, biển số 60B6-047.16; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu trắng,

màn hình cảm ứng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ; 01 cục phát wifi 3G; 01 áo sơ mi màu xanh; 01 ba lô bằng vải.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc ngày 01 tháng 6 năm 2017 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Polish, màu nâu, biển số 60B6-047.16 là 2.400.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu trắng, màn hình cảm ứng là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ là 30.000 đồng; 01 cục phát wifi 3G là 50.000 đồng; 01 áo sơ mi màu xanh là 20.000 đồng; 01 ba lô bằng vải không có giá trị.

Trách nhiệm dân sự: Anh Trần Thanh H đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H - 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Bị cáo Nguyễn Thanh T - 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các điều 53, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 và ngày 03 tháng 4 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Minh H kháng cáo với lý do mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là quá nặng nên các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin ở nhà để lao động giúp gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: Các bị cáo phạm tội đang ở độ tuổi vị thành niên, về nhân thân không có tình tiết tăng nặng nào, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới nào khác, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa của các bị cáo trình bày ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là chưa đủ, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b Điều 46 cho các bị cáo, vì các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thông qua việc anh H đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm. Như vậy, các bị cáo có 5 tình tiết giảm nhẹ nên cần phải áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xem xét cho các bị cáo mức hình phạt theo hướng có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo chỉ phù hợp đối với người phạm tội từ đủ 18 tuổi trở lên, chưa khoan hồng hay hạn chế

áp dụng hình phạt tù đối với người phạm tội chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, như miễn trách nhiệm hình sự hoặc có thể phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, Luật sư, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác, ngoài những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị cáo Nguyễn Minh H, sinh ngày: 16 tháng 8 năm 2000, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09 tháng 5 năm 2017, như vậy bị cáo phạm tội là người chưa thành niên phạm tội. Theo quy định của pháp luật thì mẹ của bị cáo H - Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1983, trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai là người đại diện hợp pháp của bị cáo H. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã triệu tập bà P hợp lệ 02 lần nhưng bà P vẫn vắng mặt, nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 19 tháng 5 năm 1999, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 09 tháng 5 năm 2017, như vậy bị cáo phạm tội là người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, đến ngày xét xử phúc thẩm bị cáo đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị cáo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả. Vào khoảng 22 giờ ngày 09 tháng 5 năm 2017, tại phòng trọ của anh Trần Thanh H thuộc ấp F, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Thanh T cùng Võ Chí V, Lê Văn U, Nguyễn Anh K, Huỳnh Kim L đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh H gồm: 01 ba lô vải màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 cục phát Wifi; 01 áo sơ mi dài tay, màu xanh, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 100.000 đồng. Sau đó, các bị cáo H và T trở lại lấy trộm số tiền 8.100.000 đồng và thống nhất nói cho V, U, K và L là chỉ lấy được số tiền 400.000 đồng. Ngoài ra, U còn chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia, màu trắng, màn hình cảm ứng đã mượn của anh H trước đó với trị giá 3.000.000 đồng; bị cáo H chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Polish, màu nâu, biển số 60B6-047.16 đã mượn của anh H trước đó với trị giá 2.400.000 đồng.

Như vậy, bị cáo H và bị cáo T chịu trách nhiệm đối với số tiền chiếm đoạt là 8.200.000 đồng, do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Riêng V, U, K và L chịu trách nhiệm đối với số tiền chiếm đoạt là 500.000 đồng, nên không đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Đối với Lê Văn U, Nguyễn Minh H còn có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên chưa đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm an ninh trật tự tại địa phương.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo Nguyễn Minh H - 08 (Tám) tháng tù; Nguyễn Thanh T - 06 (Sáu) tháng tù, là nghiêm khắc.

Theo quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự, về nguyên tắc việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Khi xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên, cần xác định khả năng, nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân điều kiện gây ra tội phạm.

Như đã phân tích ở trên, các bị cáo được bị hại rủ rê ăn nhậu, nảy sinh ý thức chiếm đoạt tài sản sau khi nhậu say. Các bị cáo đa số còn nhỏ, nhận thức còn hạn chế. Sau khi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; không có tình tiết tăng nặng, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại điều 47 Bộ luật hình sự, để các bị cáo tích cực cải tạo, giáo dục thành công dân có ích cho xã hội.

Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Xét ý kiến của Luật sư bào chữa của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt các bị cáo là nghiêm khắc, không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 và khoản 3 Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H và Nguyễn Thanh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các điều 47, 53, 69, 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh H - 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T - 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh - VKS huyện;
- PV 27- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện;
- TAND huyện;
- CA huyện;
- B5 - Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyến